TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOÀ BÌNH** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2024/ HNGĐ-ST
Ngày: 11- 11- 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀ BÌNH, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Thương

Các hội thẩm nhân dân:

1/- Ông Huỳnh Tài Em

2/- Ông Liêu Tài Ngoánh

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phúc Hậu- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 270/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2024/QĐXX-ST ngày 21 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1965 (Có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: a36, xMD, hHB, tBL.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn D, sinh năm 1964 (Có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: a36, xMD, hHB, tBL.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06 tháng 08 năm 2024 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà H và ông Trần Văn D xây dựng hôn nhân và gia đình vào năm 1984, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống bà H và ông D có 03 người con chung hiện nay 03 người con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Vợ chồng bà H và ông D có tạo lập tài sản chung nên tự thỏa thuận, không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết và không có nợ chung. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa bà H với ông D là do bất đồng quan điểm sống, hàng ngày thường xuyên xảy ra xung đột, cải vã nhau dẫn đến cuộc sống

chung của vợ chồng không có hạnh phúc và vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2021 cho đến nay. Nay bà H yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn D. Ngoài ra, bà H không còn ý kiến trình bày gì thêm.

Bị đơn: Ông Trần Văn D trình bày. Qua trình bày của Bà Nguyễn Thị H về hôn nhân, về con chung, về tài sản chung và nợ chung là đúng. Nay ông D đồng ý ly hôn với bà H. Ngoài ra, ông D không có ý kiến gì khác.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

***** *Về thủ tục tố tụng:* Quá trình từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

** Về nội dung đề xuất*: Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 36, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 06 năm 2000 của Quốc Hội.

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn bà Nguyễn Thị H với ông Trần Văn D.

Về con chung: Đã trưởng thành không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, về nợ chung: Bà H và ông D thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

4. Án phí hôn nhân và gia đình: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H với bị đơn là anh ông Trần Văn D theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

Tại phiên toà, Bà H và ông D đều vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án, bà H, ông D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung vụ án: Về hôn nhân: Bà H và ông D xây dựng hôn nhân và gia đình trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Trong thời gian chung sống ông D không quan tâm xây dựng hạnh phúc,

yêu thương nhau mà thường cự cãi do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn kéo dài, ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân bà H và ông D không tìm đến nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này cho thấy tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông D là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Bên cạnh đó, bà Nguyễn Thị H, ông Trần Văn D xây dựng hôn nhân và gia đình năm 1984 trước ngày 03/01/1987, nên hôn nhân giữa bà Hiếu, ông D là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại điểm a mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 06 năm 2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật hôn và nhân gia đình quy định như sau:

2.1 Việc áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 11 của Luật này được thực hiện như sau. *"a. Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000"*.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 chấp nhận ly hôn của bà Nguyễn Thị H, ông Trần Văn D.

[3]. Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống với nhau bà H và ông D có 03 người con chung nay đã trưởng thành không đặt ra xem xét giải quyết

[5]. Về tài sản chung: Bà H, ông D trình bày không có, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[6]. Về nợ chung: Bà H, ông D trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

[7]. Đối với đề nghị của Đại Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình là tại phiên tòa, có căn cứ nên được chấp nhận.

[8]. Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, bà H phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông D không phải chịu án phí.

[9]. Từ những nhận định trên, xét đề nghị của Kiểm sát viên- đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228, Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 06 năm 2000 của Quốc Hội.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1/- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà Nguyễn Thị H đối với ông Trần Văn D.

2/- Về con chung: Đã trưởng thành không giải quyết.

3/- Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông D trình bày không có, không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

4/- Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, Bà Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Bà H đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0005617 ngày 07/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoà Bình được chuyển thu án phí.

5/- Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Đương sư;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hòa Bình;
- Chi cục THADS huyện Hòa Bình;
- UBND xã Minh Diệu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Chí Thương